



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

THERAGĀTHĀPĀḲI

&

TẠNG KINH - TIỂU BỘ

TRƯỞNG LÃO KỆ

1. 7. 1.

61. Passati passo passantaṃ apassantaṃ ca passati,
apassanto apassantaṃ passantaṃ ca na passatī ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā vappo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Vappattheragāthā.

1. 7. 2.

62. Ekakā mayaṃ araṇṇe viharāma
apaviddhaṃ va vanasmiṃ dārukaṃ,
tassa me bahukā pihayanti
nerayikā viya saggaḡāminan ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā vajjiputto thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Vajjiputtattheragāthā.

1. 7. 3.

63. Cutā patanti patitā giddhā ca punarāgatā,
kataṃ kiccaṃ rataṃ rammaṃ sukhenanvāgataṃ sukhan ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā pakkho thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Pakkhattheragāthā.

1. 7. 4.

64. Dumavhayāya uppanno jāto paṇḍaraketunā,
ketuhā ketunāyeva mahāketuṃ padhaṃsayī ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā vimalo koṇḍañño thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Vimalakoṇḍaññattheragāthā.

1. 7. 5.

65. Ukkhepakaṭavacchassa saṅkalitaṃ bahūhi vassehi,
taṃ bhāsati gahaṭṭhānaṃ sunisinno ulārapāmojjo ”ti.¹

Itthaṃ sudaṃ āyasmā ukkhepakaṭavaccho thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Ukkhepakaṭavacchattheragāthā.

¹ ulārapāmujo - PTS.

1. 7. 1.

61. “Người biết nhận ra được hạng người biết, và nhận ra được hạng người không biết. Người không biết không nhận ra được (cả hai hạng) người không biết và người biết.”

Đại đức trưởng lão Vappa đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Vappa.

1. 7. 2.

62. “Chúng tôi sống mỗi một mình ở trong khu rừng,
tợ như khúc gỗ bị quăng bỏ ở trong rừng.
Nhiều người ganh tỵ với tôi đây,
y như những kẻ địa ngục ganh tỵ với những người đi đến cõi Trời.”

Đại đức trưởng lão Vajjiputta đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Vajjiputta.

1. 7. 3.

63. “Chết đi, chúng rơi xuống. Bị rơi xuống và ham muốn, chúng quay trở lại. Việc cần phải làm đã được làm xong, việc đáng được ưa thích đã được ưa thích, sự an lạc được tiếp nối bằng sự an lạc.”

Đại đức trưởng lão Pakkha đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Pakkha.

1. 7. 4.

64. “Được sanh ra bởi người mang tên một loài cây (kỹ nữ Ambapāli), đã được tạo ra bởi người có cây cờ màu trắng (đức vua Bimbisāra), vị hủy hoại cây cờ (không còn ngã mạn) đã tiêu diệt kẻ có cây cờ vĩ đại (Ma Vương) bằng chính cây cờ (trí tuệ).”

Đại đức trưởng lão Vimalakoṇḍañña đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Vimalakoṇḍañña.

1. 7. 5.

65. “Khéo ngồi xuống, vị có sự hân hoan tốt bậc thuyết giảng cho hàng tại gia Pháp đã được học thuộc lòng trong nhiều năm bởi vị Vaccha, người đã thực hiện sự thu thập.”

Đại đức trưởng lão Ukkhepaṇḍavaccha đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Ukkhepaṇḍavaccha.

1. 7. 6.

66. Anusāsi mahāvīro sabbadhammānapāragū,
tassāhaṃ dhammaṃ sutvāna vihāsiṃ santike sato,¹
tisso vijjā anuppattā kataṃ buddhassa sāsanan ”ti.
Itthaṃ sudaṃ āyasmā megghiyo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Meghiyattheragāthā.

1. 7. 7.

67. Kilesā jhāpitā mayhaṃ bhavā sabbe samūhatā,
vikkhīṇo jātisaṃsāro natthi dāni punabbhavo ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā ekadhammasavanīyo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Ekadhammasavanīyattheragāthā.

1. 7. 8.

68. Adhicetaso appamajjato munino monapathesu sikkhato,
sokā na bhavanti tādino upasantassa sadā satīmato ”ti.

Itthaṃ sudaṃ āyasmā ekudāniyo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Ekudāniyattheragāthā.

1. 7. 9.

69. Sutvāna dhammaṃ mahato mahārasaṃ
sabbaññutaññāṇavarena desitaṃ,
maggam papajjiṃ amatassa pattiya
so yogakkhemassa pathassa kovido ”ti.
Itthaṃ sudaṃ āyasmā channo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Channattheragāthā.

1. 7. 10.

70. Sīlameva idha aggaṃ paññavā pana uttamo,
manussesu ca devesu sīlapaññāṇato jayan ”ti.
Itthaṃ sudaṃ āyasmā puṇṇo thero gāthaṃ abhāsithā ”ti.

Puṇṇattheragāthā.

Sattamo vaggo.

TASSUDDĀNAṃ:

Vappo ca vajjiputto ca pakkho vimalakoṇḍañño,
ukkhepakaṭavaccho ca megghiyo ekadhammiko,
ekudāniyacchannā² ca puṇṇatthero mahabbalo ”ti.

--ooOoo--

¹ rato - Syā, PTS.

² ekudāniyacchanno - Syā, PTS.

1. 7. 6.

66. “Đấng Đại Hùng, bậc đã đi đến bờ kia của tất cả các pháp, đã chỉ dạy. Sau khi lắng nghe Giáo Pháp của Ngài, tôi đã sống gần Ngài, có niệm. Ba Minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành (bởi tôi).”

Đại đức trưởng lão Meghiya đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Meghiya.

1. 7. 7.

67. “Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, việc luân hồi tái sinh đã được triệt tiêu, giờ đây không còn tái sinh nữa.”

Đại đức trưởng lão Ekadhammasavaniya đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Ekadhammasavaniya.

1. 7. 8.

68. “Đối với vị hiền trí có tăng thượng tâm, không xao lãng, đang học tập về đạo lộ của bậc hiền trí, an tịnh, luôn có niệm, các sự sầu muộn không hiện hữu ở vị như thế ấy.”

Đại đức trưởng lão Ekudāniya đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Ekudāniya.

1. 7. 9.

69. “Sau khi lắng nghe Giáo Pháp có hương vị vĩ đại của bậc vĩ nhân, đã được thuyết giảng bởi đấng Toàn Tri có trí tuệ cao quý, tôi đã thực hành Đạo Lộ đưa đến sự chứng đạt về Bất Tử. Ngài là bậc biết rõ về con đường đưa đến sự an toàn khỏi các trói buộc.”

Đại đức trưởng lão Channa đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Channa.

1. 7. 10.

70. “Ở đây, chỉ có giới là cao cả; tuy nhiên, người có trí tuệ là tối thượng. Ở giữa loài người và chư Thiên, sự chiến thắng là nhờ vào giới và trí tuệ.”

Đại đức trưởng lão Punṇa đã nói lời kệ này như thế.

Kệ ngôn của trưởng lão Punṇa.

Phẩm thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY:

“Vị Vappa và vị Vajjiputta, vị Pakkha, vị Vimalakoṇḍañña, và vị Ukkhepakaṭavaccha, vị Meghiya, vị Ekadhammika, vị Ekudāniya, và vị Channa, vị trưởng lão Punṇa có năng lực vĩ đại.”

--ooOoo--